

Số: 1450 /QĐ-UBND

Tây Tiền Hải, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2026 xã Tây Tiền Hải**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂY TIỀN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ Hai về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2026 của xã Tây Tiền Hải.

(Chi tiết các biểu đính kèm)

Điều 2: Giao phòng Kinh tế xã phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã thực hiện đăng tải công khai trên hệ thống Cổng thông tin điện tử xã theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, PKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trọng Đại

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh %
A	B	I	2	3=2/I
I	Tổng số thu	176.795.000.000	170.364.381.530	96,4
1	Các khoản thu trên địa bàn	8.631.000.000	3.485.426.505	40,4
2	Thu bổ sung	168.164.000.000	150.340.550.580	89,4
	- Thu bổ sung cân đối	133.910.000.000	100.431.000.000	75,0
	- Thu bổ sung có mục tiêu	34.254.000.000	49.909.550.580	145,7
3	Thu chuyển nguồn		9.278.858.970	
4	Kết dư ngân sách		7.259.545.475	
II	Tổng số chi	176.795.000.000	118.606.122.099	67,1
1	Chi đầu tư phát triển kinh tế	15.500.000.000	11.021.103.119	71,1
2	Chi thường xuyên	124.189.000.000	91.218.505.196	73,5
3	Dự phòng	2.852.000.000	378.544.000	
4	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách Trung ương	19.716.000.000	15.987.969.784	81,1
5	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh	14.538.000.000		

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán tính giao	Dự toán trình HĐND xã	Thực hiện 9 tháng đầu năm	So sánh % TH/DT(cấp trên giao)	So sánh % TH/DT(HĐND giao)
1	2		3	4	5	6
	TỔNG SỐ	183.795.000.000	176.795.000.000	170.364.381.530	92,69	96,36
I	Thu trên địa bàn	15.631.000.000	8.631.000.000	3.485.426.505	22,30	40,38
1	Thu thuế giá trị gia tăng	160.000.000	160.000.000	115.647.132	72,28	72,28
2	Thuế thu nhập cá nhân	3.050.000.000	650.000.000	280.337.070	9,19	43,13
3	Lệ phí trước bạ	2.000.000.000	600.000.000	721.206.197	36,06	120,20
4	Các loại phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	32.788.000	54,65	54,65
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	41.000.000	41.000.000	9.398.780	22,92	22,92
6	Thu tiền sử dụng đất	10.000.000.000	6.800.000.000	2.280.891.160	22,81	33,54
7	Thu khác ngân sách	235.000.000	235.000.000	45.158.166	19,22	19,22
8	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	85.000.000	85.000.000		0,00	0,00
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	168.164.000.000	168.164.000.000	150.340.550.580	89,40	89,40
1	Bổ sung cân đối	133.910.000.000	133.910.000.000	100.431.000.000	75,00	75,00
2	Bổ sung có mục tiêu	19.716.000.000	19.716.000.000	49.909.550.580	253,14	253,14
	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh	14.538.000.000	14.538.000.000			
III	Thu chuyển nguồn			9.278.858.970		
IV	Thu kết dư ngân sách			7.259.545.475		

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện 9 tháng đầu năm	So sánh TH/DT(%) 9 tháng	
		DT tính giao	DT HĐND xã giao		DT tính giao	DT HĐND xã giao
A	B	1	2	4	5=4/1	6=4/2
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	176.795.000.000	176.795.000.000	118.606.122.099	67,1	67,1
I	Chi đầu tư phát triển	6.800.000.000	15.500.000.000	11.021.103.119	162,1	71,1
1	Chi bảo vệ môi trường			2.004.420.000		
2	Chi các hoạt động kinh tế	6.800.000.000	15.500.000.000	9.016.683.119	132,6	58,2
II	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	167.143.000.000	161.295.000.000	107.585.018.980	64,4	66,7
1	Chi quốc phòng		609.000.000	1.376.613.998		226,0
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội		826.560.000	829.153.500		100,3
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	68.580.000.000	62.580.000.000	36.085.178.860		57,7
4	Chi khoa học, công nghệ	279.000.000	279.000.000	202.100.000		72,4
5	Chi y tế, dân số và gia đình		9.119.000.000	11.705.208.618		128,4
6	Chi văn hoá thông tin		50.000.000	42.447.680		84,9
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		200.000.000	175.086.465		87,5
8	Chi thể dục thể thao		50.000.000	64.312.964		128,6
9	Chi bảo vệ môi trường		1.154.000.000	376.343.199		32,6
10	Chi các hoạt động kinh tế		4.867.000.000	1.956.026.000		40,2
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		32.408.440.000	23.039.243.586		71,1
12	Chi đảm bảo xã hội		10.714.000.000	15.003.490.326		140,0
13	Chi khen thưởng		666.000.000			0,0
14	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật		666.000.000	363.300.000		54,5
15	Dự phòng ngân sách	2.852.000.000	2.852.000.000	378.544.000	0,0	13,3
16	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách Trung ương	19.716.000.000	19.716.000.000	15.987.969.784	81,1	81,1
17	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh	14.538.000.000	14.538.000.000		0,0	0,0
	10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL	1.161.000.000	1.161.000.000		0,0	0,0